

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2021

BÁO CÁO TỔNG KẾT
HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ 06 THÁNG NĂM 2021
(Căn cứ Phụ lục số XXV kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC)

1. THÔNG TIN VỀ QUỸ:

- Tên quỹ:	Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Triển vọng Bảo Việt Viết tắt: BVPF
- Loại hình quỹ:	Quỹ mở
- Mục tiêu đầu tư:	Tạo ra lợi nhuận có tính chất bền vững, dài hạn cho nhà đầu tư trên cơ sở khai thác hiệu quả cơ hội đầu tư vào các doanh nghiệp có nền tảng hoạt động tốt và triển vọng phát triển tại Việt Nam
- Thời gian hoạt động:	Không giới hạn
- Benchmark:	Lãi suất trúng thầu TP KBNN kỳ hạn 10 năm + 4% (chỉ số tham chiếu để đánh giá nội bộ)
- Chính sách phân chia lợi nhuận:	Lợi nhuận có thể được phân chia dưới hình thức bằng tiền hoặc bằng chứng chỉ quỹ theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư (hoặc Ban Đại diện Quỹ theo ủy quyền của Đại hội Nhà đầu tư).
- Số lượng đơn vị quỹ:	10.681.549,10 (thời điểm 30/06/2021)
- Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ báo cáo:	Cập nhật các thông tin theo quy định Pháp luật hiện hành
- Nội dung nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư trong kỳ báo cáo:	Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm 2021 và đại hội nhà đầu tư bất thường năm 2021: - Thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020 - Thông qua việc không thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2020 cho Nhà đầu tư

	<ul style="list-style-type: none"> - Phê duyệt Ngân sách hoạt động cho Ban Đại diện Quỹ năm 2021 - Thông qua danh sách các đơn vị kiểm toán trong tờ trình của BVF và lựa chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính Quỹ BVPF năm 2021. - Thông qua danh sách Ban đại diện quỹ cho nhiệm kỳ 2021-2026 - Thông qua dự thảo điều lệ quỹ sửa đổi.
<ul style="list-style-type: none"> - Ý kiến nhận xét của Ngân hàng giám sát về các nội dung quy định tại TT hướng dẫn về hoạt động và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán: 	Công ty quản lý quỹ đã thực hiện nghiêm chỉnh việc lập các báo cáo tuần, tháng, quý theo quy định cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

2. BÁO CÁO VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

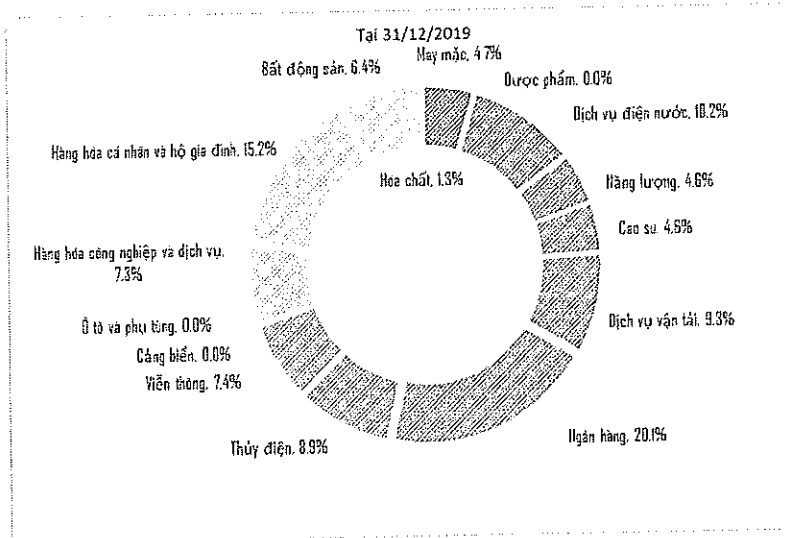
a. Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của quỹ tại thời điểm 31/12 của 3 năm gần nhất:

- Danh mục đầu tư của quỹ phân bố theo ngành, lĩnh vực và loại sản phẩm (*tính theo giá trị danh mục đầu tư*):

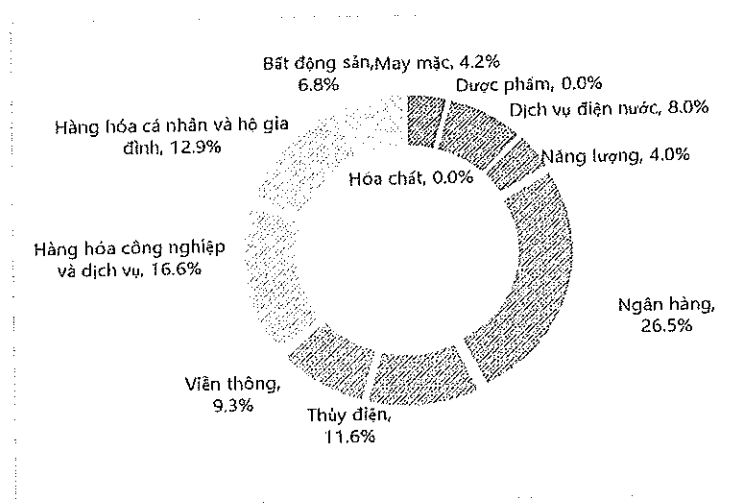
❖ Theo tài sản:

Cơ cấu tài sản Quỹ	30/06/2021 (%)	31/12/2020 (%)	31/12/2019 (%)
Danh mục cổ phiếu	56,57	54,75	67,05
Tiền gửi thanh toán và tiền gửi có kỳ hạn	43,22	44,73	32,76
Tài sản khác	0,21	0,52	0,19
Tổng cộng	100,00	100,00	100,00

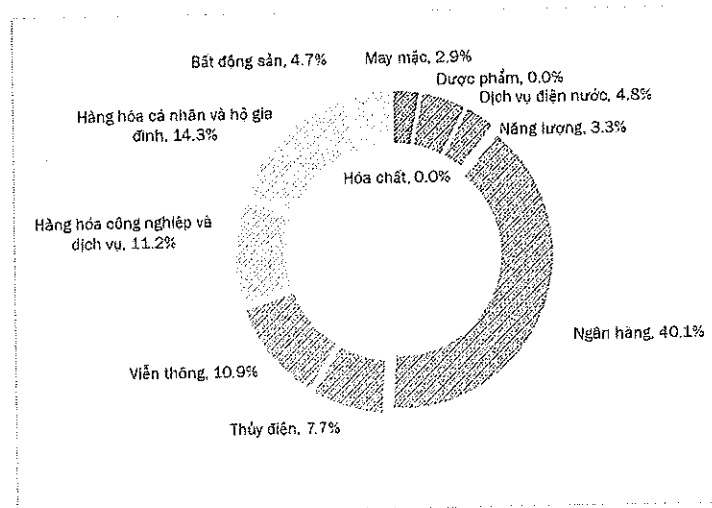
❖ Theo ngành:



Tại 31/12/2020



Tại 30/06/2021



- Giá trị tài sản ròng của quỹ:

	30/06/2021 (VNĐ)	31/12/2020 (VNĐ)	31/12/2019 (VNĐ)
GTTSR	170.772.301.547	124.911.292.783	100.920.451.358

- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ:

	30/06/2021 (VNĐ/CCQ)	31/12/2020 (VNĐ/CCQ)	31/12/2019 (VNĐ/CCQ)
GTTSR/CCQ	15.987	13.266	11.486

- Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành:

	30/06/2021 (CCQ)	31/12/2020 (CCQ)	31/12/2019 (CCQ)
Số CCQ	10.681.549,10	9.415.895,09	8.785.786,85

- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị cao nhất và thấp nhất trong năm:

	06 tháng/2021 (VNĐ/CCQ)	Năm 2020 (VNĐ/CCQ)	Năm 2019 (VNĐ/CCQ)
GTTSR/CCQ cao nhất	15.987	13.266	11.716
GTTSR/CCQ thấp nhất	12.838	9.160	10.382

- Tổng lợi nhuận của quỹ:

Chỉ tiêu	06 tháng/2021 (VNĐ)	Năm 2020 (VNĐ)	Năm 2019 (VNĐ)
Thu nhập từ sự tăng trưởng giá chứng khoán (giá trị lãi vốn)	21.408.430.545	16.931.627.877	3,863,939,668
Thu nhập từ lợi tức chứng khoán (cổ tức, tiền gửi...)	1.757.345.261	4.194.529.980	3.784.493.025
Chênh lệch mua bán chứng khoán	5.070.381.655	(2.677.158.977)	2,515,515,382
Thu nhập khác	-	-	-
Tổng chi phí	1.414.271.687	2.164.485.852	2,200,721,758
Tổng lợi nhuận	26.821.885.774	16.284.513.028	7,963,226,317

- Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị quỹ (giá trị thuần và giá trị gộp) trong kỳ báo cáo: không có.
- Thời điểm phân chia lợi nhuận: không có.
- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trước và sau thời điểm phân chia lợi nhuận: không có.

- Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ và thuyết minh về việc chênh lệch chi phí hoạt động của quỹ:

Tỷ lệ chi phí cuối năm 2020	2,13%
Tỷ lệ chi phí cuối quý II năm 2021	1,99%

- Tốc độ vòng quay danh mục và thuyết minh về việc chênh lệch tốc độ vòng quay danh mục:

Tốc độ vòng quay danh mục cuối năm 2020	11,02%
Tốc độ vòng quay danh mục cuối quý II năm 2021	9,66%

- Thông tin về các khoản vay nợ, các hạng mục thanh toán trả sau, các giao dịch repo/ reverse repo: không có

b. Chỉ tiêu về lợi nhuận của quỹ:

Tổng lợi nhuận bình quân năm của quỹ phát sinh trong kỳ báo cáo xác định:

- Trong thời hạn 12 tháng (1 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập quỹ tới ngày báo cáo nếu quỹ hoạt động dưới 1 năm): 18.662.362.701 VNĐ.
- Trong thời hạn 36 tháng (3 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập quỹ tới ngày báo cáo nếu quỹ hoạt động dưới 3 năm): 5.291.247.145 VNĐ.
- Trong thời hạn 60 tháng (5 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập quỹ tới ngày báo cáo nếu quỹ hoạt động dưới 5 năm): 7.874.794.575 VNĐ.

c. Các chỉ tiêu so sánh khác:

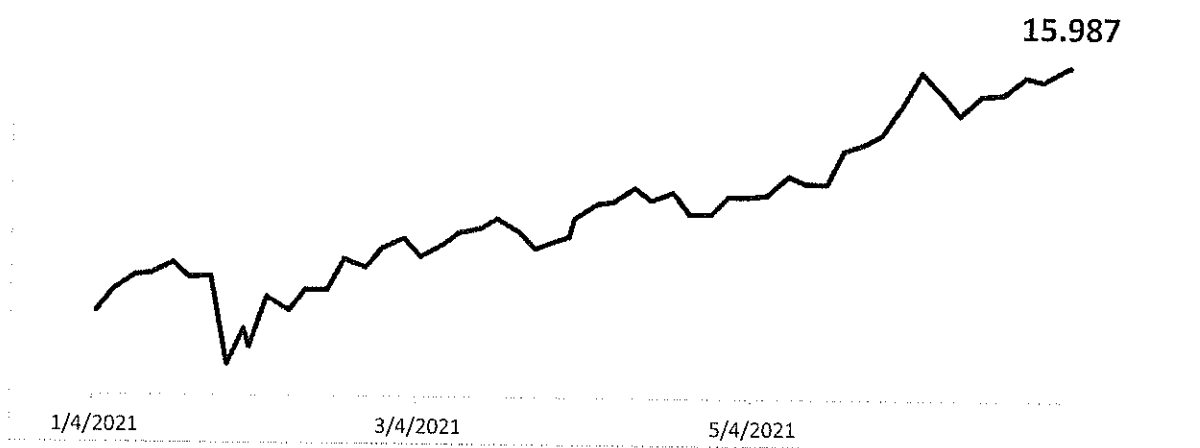
- Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất, đã được công bố và được thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác: phương pháp giá trị tài sản được quy định trong Sổ tay định giá được lập bởi Công ty Quản lý quỹ, được Ban Đại diện Quỹ thông qua và kiểm tra, rà soát bởi Ngân hàng giám sát BIDV – Chi nhánh Hà thành.
- Dữ liệu được cung cấp bởi một tổ chức độc lập: Giá chứng khoán được cung cấp bởi các tổ chức dịch vụ cung cấp báo giá độc lập, uy tín trên thị trường

- d. Báo cáo khuyến cáo rằng các thông tin về kết quả hoạt động của quỹ trước đây chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư.

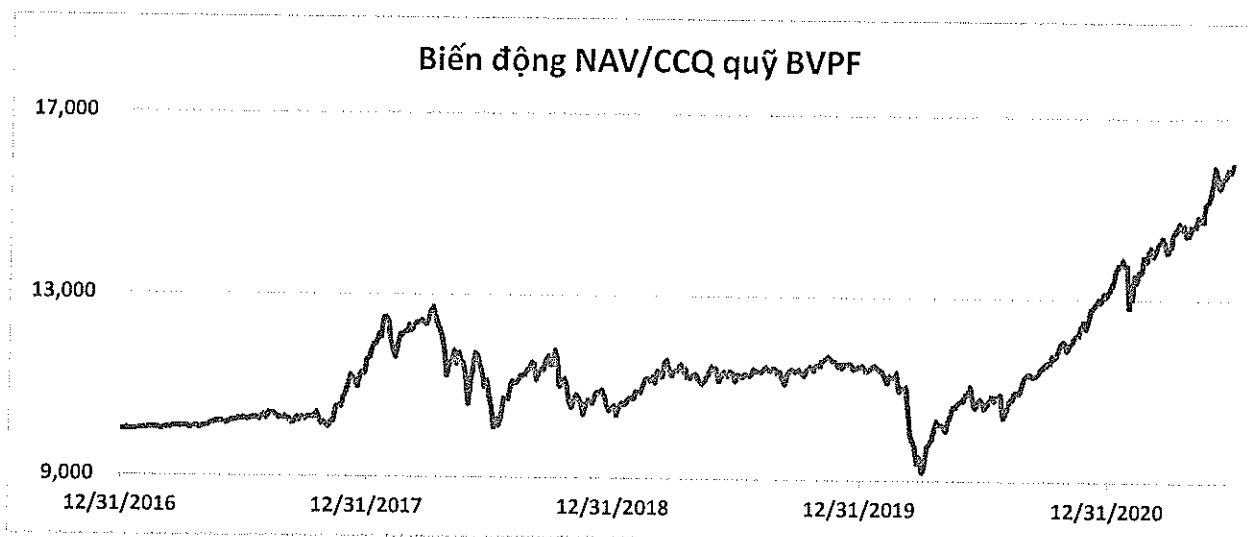
3. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ TÀI SẢN CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ:

- a. Thuyết minh về việc thay đổi Công ty Quản lý quỹ (nếu có): không có.

- b. Thuyết minh về việc Quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư: Trong 06 tháng đầu năm 2021, quỹ ghi nhận mức tăng trưởng 20,52%, cao hơn 17,23% so với tăng trưởng của benchmark – bình quân lãi suất TPCP kỳ hạn 10% + 4% ở mức 3,29%.
- c. So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong kỳ báo cáo (*bảng đồ thị*):



- d. So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong khoảng thời gian năm (05) năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo (*bảng đồ thị*):



- e. Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo:

Quỹ áp dụng chiến lược đầu tư chủ động (*active*), trong đó tập trung đầu tư vào các cổ phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam (*HSX, HNX, UpCom*) dựa trên phương pháp phân tích cơ bản (*fundamental analysis - FA*). Cổ phiếu được lựa chọn đầu tư phải đáp ứng các tiêu chí đầu tư của Công ty Quản lý quỹ, đảm bảo phản ánh chính xác các yếu tố cốt lõi trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Cổ phiếu của các

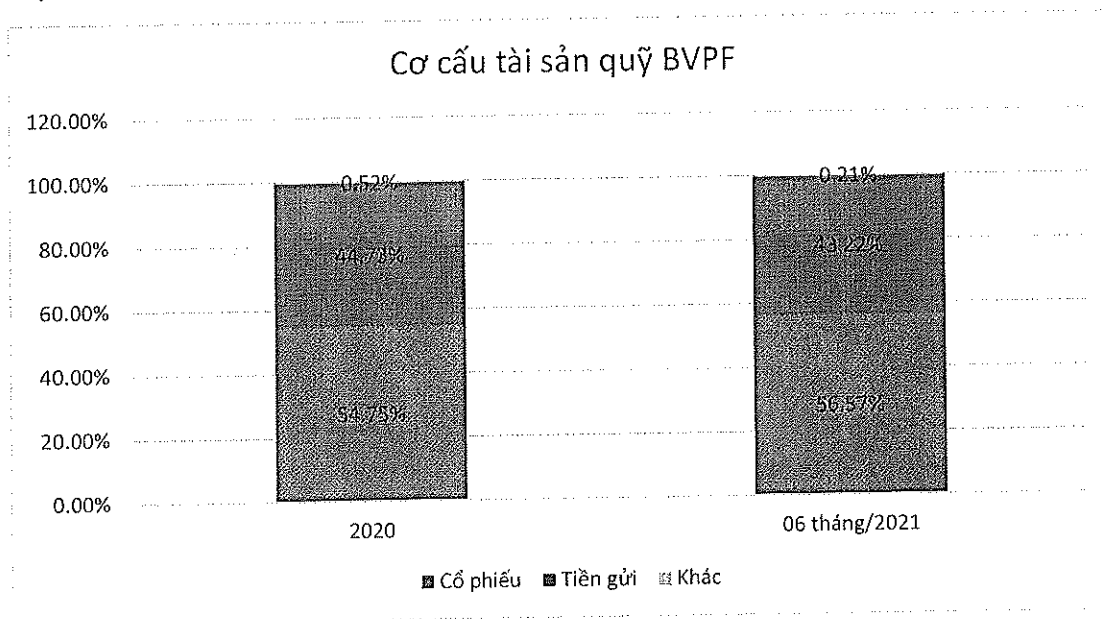
doanh nghiệp mà Công ty Quản lý quỹ có lợi thế thông tin, có quá trình theo dõi, cập nhật liên tục sẽ được ưu tiên. Trong quá trình đầu tư, các yếu tố thị trường của cổ phiếu có thể được xem xét và đóng vai trò hỗ trợ đối với việc ra quyết định đầu tư.

Quỹ tìm kiếm cơ hội đầu tư đối với cả cổ phiếu tăng trưởng (*growth stocks*) và cổ phiếu giá trị (*value stocks*), không giới hạn về quy mô vốn hóa của cổ phiếu, để lựa chọn được các cơ hội đầu tư tối ưu, mang lại hiệu quả đầu tư cao nhất cho Quỹ. Phương pháp đầu tư được sử dụng chủ yếu là phương pháp tiếp cận từ trên xuống (*top-down approach*), các cổ phiếu sẽ được ưu tiên mua và nắm giữ (*buy and hold*) trong khoảng thời gian trung - dài hạn. Tuy nhiên, tùy thuộc vào biến động của thị trường trong ngắn hạn, Công ty Quản lý quỹ sẽ xem xét thực hiện linh hoạt các giải pháp để gia tăng hiệu quả đầu tư.

Cơ cấu tài sản mục tiêu:

Tài sản	Tỷ trọng (%)	Ghi chú
Cổ phiếu	51% – 100%	Cơ cấu tài sản mang tính định hướng. Tùy thuộc vào tình hình thị trường, Công ty Quản lý Quỹ sẽ thay đổi cơ cấu tài sản của danh mục đầu tư để đảm bảo đạt được mục tiêu đầu tư của Quỹ.
Các tài sản được phép đầu tư khác	0% – 49%	

- f. Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của quỹ năm liền kề báo cáo:



- g. Phân tích kết quả hoạt động của quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (*sau khi đã điều chỉnh phân lợi nhuận đã phân phối, nếu có*): không có
- h. Đánh giá biến động của thị trường:

Kinh tế vĩ mô:

- Tăng trưởng GDP 06 tháng đầu năm đạt 5,64%, mặc dù có sự tích cực nhưng vẫn chưa đạt kỳ vọng. Nguyên nhân cơ bản là do ảnh hưởng của đợt bùng phát dịch Covid-19 lần thứ tư tại Việt Nam từ đầu Quý II/2021 và hiện vẫn chưa chấm dứt.
- CPI 06 tháng đầu năm tăng 1,62%, vẫn nằm trong kế hoạch.
- Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa 06 tháng đầu năm đạt kết quả khả quan với tổng giá trị ước đạt 157,63 tỷ USD, tăng 28,4% so với cùng kỳ năm trước.

Thị trường tiền tệ

- Sau khi duy trì ở mức nền thấp trong 05 tháng/2021 (chỉ biến động mạnh ngắn hạn), lãi suất VNIBOR các kỳ hạn từ 03 tháng trở xuống hình thành xu hướng tăng trong tháng 06/2021. Nguyên nhân có thể do tăng trưởng huy động của một số NHTM đang có xu hướng thấp hơn so với tăng trưởng tín dụng trong giai đoạn vừa qua. Lãi suất VNIBOR các kỳ hạn trên 3 tháng vẫn ổn định ở nền thấp, SBV cơ bản không phải hỗ trợ thanh khoản cho NHTM thông qua thị trường mở.
- Về cơ bản, mặt bằng lãi suất tiền gửi duy trì ở mức ổn định trong 06 tháng đầu năm 2021

Thị trường trái phiếu

- Thị trường sơ cấp: mặt bằng lãi suất trúng thầu TPCP trong 06 tháng đầu năm 2021 vận động ổn định trong biên độ hẹp. Tính trong 06 tháng, KBNN đã phát hành được 141,5 nghìn tỷ đồng TPCP, tương đương 40,4% kế hoạch phát hành năm 2021.
- Thị trường thứ cấp: Lợi suất TPCP các kỳ hạn cơ bản vận động tại mặt bằng được hình thành trong Quý IV/2020. Đến thời điểm hiện tại, biến động tăng của lợi suất TPCP tại một số thị trường phát triển trên thế giới trong nửa cuối Quý I/2021 vẫn chưa tạo ra ảnh hưởng đối với vận động của lợi suất TPCP trong nước. NĐTNN duy trì xu hướng mua ròng TPCP khá tốt trong 1H/2021 với tổng giá trị mua ròng TPCP ước tính khoảng 9.700 tỷ đồng.
- Do ảnh hưởng của Nghị định 153/2020/NĐ-CP, giá trị phát hành TPDN trong 06 tháng đầu năm 2021 của các doanh nghiệp ngoài ngân hàng có xu hướng giảm dần so với các quý trước đó. Đối tượng phát hành TPDN trong 06 tháng đầu năm 2021 vẫn là các đối tượng quen thuộc như ngân hàng, công ty bất động sản, chứng khoán.

- Theo quan sát sơ bộ, mặc dù vẫn còn một số ít trường hợp cá biệt phát hành trái phiếu với mức lãi suất cao, mặt bằng lãi suất TPDN ngoài ngân hàng đã giảm 50 – 100 bps so với mặt bằng Quý IV/2020.

Thị trường cổ phiếu:

- Kết thúc 6 tháng đầu năm 2021, chỉ số VNI đã tăng đạt mức giới hạn trên theo nhận định (Quanh vùng ~1400 điểm). Tại thời điểm 30/06/2021, P/E của chỉ số VNI là 19.2, cao hơn tương đối so với mức trung bình trong 05 năm vừa qua (Max: ~22, Min: ~11, trung bình 15.5).
- Mức độ hấp dẫn tương đối của TTCK Việt Nam dựa trên tiêu chí P/E so với các thị trường trong khu vực ASEAN mặc dù đã giảm bớt vẫn được duy trì.

Thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với loại tài sản là cổ phiếu:

TT	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Cổ tức được chia	597.461.000
2	Lãi bán các khoản đầu tư	5.070.381.655
3	Chênh lệch tăng/giảm đối với các khoản đầu tư chưa thực hiện	21.408.430.545
4	Thu nhập khác	-
5	Chi phí giao dịch mua/bán cổ phiếu	27.314.818
6	Kết quả hoạt động đầu tư	26.985.958.392

- i. Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ (nếu có): không có.
- j. Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ: không có.
- k. Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan (nếu có): không có.
- l. Các thông tin khác (nếu có): không có.

4. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

- a. Thuyết minh về việc thay đổi Ngân hàng giám sát (nếu có): không có.
- b. Việc lưu ký tài sản của quỹ: đáp ứng các yêu cầu.
- c. Việc đầu tư tuân thủ các hạn chế về đầu tư, hạn chế về vay theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản Cáo bạch:

- Trong 06 tháng đầu năm 2021, mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan. Tuy nhiên, tại một số thời điểm danh mục đầu tư của Quỹ có phát sinh sai lệch cụ thể như sau:
- Tại kỳ định giá xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ BVPF từ ngày 25/02/2021 đến ngày 04/03/2021 và ngày 18/03/2021, từ ngày 01/04/2021 đến ngày 03/05/2021, và ngày 03/06/2021 do biến động giá thị trường của cổ phiếu trong danh mục, tỷ lệ tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ BVPF vượt quá hạn mức tối đa 40% quy định tại khoản 1.d, điều 11 của Điều lệ Quỹ và khoản 4.e, điều 35 của Thông tư 98/2020/TT-BTC. Và sau đó, đã được điều chỉnh và đáp ứng các quy định về hạn chế đầu tư của Quỹ theo Điều lệ Quỹ và Thông tư 98/2020/TT-BTC và điều chỉnh trong thời hạn cho phép.
- d. Việc xác định giá trị tài sản ròng đã phù hợp với quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản Cáo bạch.
- e. Việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ, mua lại chứng chỉ quỹ đã phù hợp với quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản Cáo bạch.

- Chi tiết về việc phát hành CCQ

Tổng số chứng chỉ Quỹ tại ngày 31/12/2020	9.415.895,09 CCQ
Tổng số chứng chỉ Quỹ phát hành thêm trong kỳ	1.918.140,34 CCQ
Tổng số chứng chỉ Quỹ mua lại trong kỳ	(652.486,33) CCQ
Tổng số chứng chỉ Quỹ tại ngày 30/06/2021	10.681.549,10 CCQ

f. Việc phân chia lợi nhuận của quỹ là phù hợp với mục tiêu đầu tư của quỹ: Không có.

5. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG ỦY QUYỀN

a. Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ:

Chỉ tiêu (từ ngày 31/12/2020 đến ngày 30/06/2021)	Số tiền hoặc tỷ lệ
Tổng chi phí ủy quyền trong kỳ (VNĐ)	
% Tổng chi phí ủy quyền/Lợi nhuận	0,83 %
% Tổng chi phí ủy quyền/Thu nhập	0,79 %
% Tổng chi phí ủy quyền/Tổng chi phí	16,05 %

b. Các ảnh hưởng (nếu có) của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của quỹ: không có.

- c. Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ): Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam nhận ủy quyền cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng, Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt và Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản nhận ủy quyền cung cấp dịch vụ phân phối chứng chỉ quỹ.

Chỉ tiêu (từ ngày 31/12/2020 đến ngày 30/06/2021)	Số tiền hoặc tỷ lệ
Tổng chi phí ủy quyền trong kỳ (VNĐ)	222.579.599VND
Chi phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	156.579.599 VND
Chi phí trả cho NH LKGS	66.000.000 VND

- d. Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư: Dịch vụ Đại lý chuyển nhượng được ủy quyền cho Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt nam (VSD). Dịch vụ phân phối chứng chỉ quỹ được ủy quyền cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC) và Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản (JSI). Theo đánh giá của BVF, VSD, BVSC, và Fincorp đều là các đơn vị có uy tín, kinh nghiệm trên thị trường, với đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn cao, tính chuyên nghiệp trong quá trình cung cấp dịch vụ, có hệ thống phần mềm theo chuẩn quốc tế và các phòng, bộ phận chức năng được thiết lập và hoạt động độc lập... Vì vậy, khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa của các bên nhận ủy quyền cho Quỹ BVPF được bảo đảm hoạt động thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư cũng như công ty quản lý quỹ.

Trên đây là Báo cáo tổng kết hoạt động quản lý quỹ trong 06 tháng đầu năm 2021 của Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt đối với Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Triển vọng Bảo Việt (BVPF).

Trân trọng./.



Nguyễn Đình An

